TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2019/HC-PT
Ngày: 08-01-2019
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính cưỡng chế phá dỡ công trình và yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**
Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**
Ông **Võ Ngọc Thông**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa:* Ông **Đỗ Xuân Ân** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 95/2018/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2018 về việc: "*Khiếu kiện quyết định hành chính cưỡng chế phá dỡ công trình và yêu cầu bồi thường thiệt hại*". Do bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 954/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Mạnh H

Địa chỉ: Số 84 phố N1, phường N2, quận T1, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ông H*: Ông Bùi Mạnh H1; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

2.2 - Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trương Công Th – Chủ tịch.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Vũ Văn H2 – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy*

ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân thành phố B: Bà Phan Thị Minh Th1– Trưởng Phòng Quản lý đô thị; có mặt.

2.3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

2.4 - Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân phường T:* Ông Ngô Hồng N – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ông Bùi Mạnh H1; có mặt

3.2- Bà Khổng Thị Kim L; có mặt

Cùng địa chỉ: Số 84 phố N1, phường N2, quận T1, thành phố Hà Nội. Đều có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, ông H1, bà L:

- Ông Lưu Ngọc N3 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc Th3 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q – Luật gia của Trung tâm tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2017, khởi kiện bổ sung ngày 26/3/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, ông Bùi Mạnh H1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Bùi Mạnh H và Đỗ Văn H3 có quyền sử dụng chung thửa đất số 615, tờ bản đồ số 81 tại đường H4, phường T, thành phố B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 922535 ngày 21/7/2015. Do có nhu cầu xây dựng nhà ở trên thửa đất nên ông H đứng tên làm hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) phường T xác nhận bằng Biên bản tách thửa lập ngày 17/8/2015 và Biên bản kiểm tra thực địa lập ngày 18/8/2015. Tại biên bản kiểm tra thực địa UBND phường T xác định: "*Đã có trong kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất theo Quyết định số 3263/QĐ – UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk*". Đến nay thửa đất nói trên vẫn chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng.

Ngày 10/11/2015, ông H có đơn gửi UBND phường T xin dựng tạm nhà sàn trên đất. Sau hơn 30 ngày nộp đơn nhưng không có kết quả trả lời, ông H đã tiến hành xây dựng nhà.

Ngày 23/12/2015, UBND phường T lập biên bản vi phạm hành chính số 16/BB – VPHC yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm. Việc

UBND phường lập Biên bản ông H và ông H1 không được chứng kiến, tuy nhiên sau đó ông H1 có nghe người làm nói lại.

Ngày 24/12/2015, UBND phường T ra Quyết định số 218/QĐ – UBND về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị. Ngày 30/12/2015 UBND thành phố B ra Quyết định số 1533/QĐ – XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính, vợ ông H1 là bà Khổng Thị Kim L đã đến kho bạc nộp số tiền phạt là 6.250.000 đồng theo biên lai số 0007151 ngày 25/01/2016.

Ngày 22/3/2016, UBND thành phố B ra Quyết định số 1060/QĐ – CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1533/QĐ – XPVPHC ngày 30/12/2015. Quyết định cưỡng chế của chính quyền địa phương không được giao cho gia đình ông H. Sau khi biết được nội dung của Quyết định 1060 nhưng gia đình ông H không thực hiện vì không nhận được bản chính có dấu đỏ. Tại thời điểm này gia đình sống tại địa chỉ 357 Đường H4, phường T, thành phố B (là nơi công trình đang xây dựng). Ngày 23/3/2016, sau khi biết được nội dung của Quyết định 1060, ông H1 đã đến UBND thành phố B gặp ông Vũ Văn H2 để hỏi rõ về văn bản này, tuy nhiên phía Ủy ban vẫn không giao bản chính có dấu đỏ.

Ngày 29/3/2016, UBND thành phố B ra Thông báo số 608/TB – UBND về việc ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của ông Bùi Mạnh H tại thửa đất số 615 tờ bản đồ số 81, đường H4, phường T, thành phố B.

Ngày 31/3/2016, UBND phường T ra Quyết định số 197/QĐ – CC về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị. Gia đình ông H1 không nhận được quyết định này. Đến ngày UBND phường T tiến hành cưỡng chế, nhưng đại diện Ủy ban chỉ đọc nội dung quyết định, ông H1 không đồng ý với cách làm việc của ủy ban và bỏ đi.

Ngày 09/8/2016, ông H1 ký nhận Thông báo số 41/TB – UBND của UBND phường T về thời gian tổ chức cưỡng chế các công trình xây dựng vi phạm tại khu vực Dự án khu dân cư tái định cư P - K, phường T, thành phố B.

Ngày 17/8/2016, ông H gửi đơn khiếu nại về việc tháo dỡ nhà. Ngày 30/8/2016, ông H nhận được công văn số 6852/UBND – CN của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk nêu rõ: "*Giao chủ tịch UBND thành phố B xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và trả lời đơn của công dân, đồng thời báo cáo kết quả giải quyết cho UBND tỉnh*". Nhưng đến nay đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại ông H vẫn không nhận được bất kỳ thông tin nào về việc giải quết đơn khiếu nại.

Ông H1 thừa nhận việc gia đình xây dựng nhà trên đất nông nghiệp và chưa được cấp phép là vi phạm quy định về trật tự quản lý đô thị, nếu được tống đạt hợp lệ các quyết định liên quan đến việc cưỡng chế và việc cưỡng chế tháo dỡ được thực hiện một cách đồng bộ đối với tất cả các hộ gia đình cùng làm nhà trên đất nông nghiệp, thì gia đình ông H1 sẽ tự nguyện tháo dỡ. Tuy

nhiên, do bức xúc với cách làm việc của chính quyền địa phương trong việc không giao các thông báo, quyết định liên quan đến cưỡng chế, nên tại thời điểm hội đồng cưỡng chế tháo dỡ nhà, gia đình ông H1 đã bỏ ra ngoài và không chứng kiến việc tháo dỡ, thu giữ tài sản.

Ngày 09/8/2016, ông H1 ký nhận Thông báo số 41/TB – UBND ngày 09/8/2016 của UBND phường T về thời gian tổ chức cưỡng chế các công trình xây dựng vi phạm tại khu vực Dự án khu dân cư tái định cư P - K, phường T, thành phố B. Do không nhận được các quyết định cưỡng chế nên gia đình ông H1 không tự nguyện tháo dỡ.

Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch UBND phường T không tống đạt các Quyết định hành chính cho người vi phạm và ban hành Quyết định số 197/QĐ – CC về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị thể hiện việc tùy tiện, bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý làm trái các quy định của pháp luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Các thủ tục do UBND phường T cũng như UBND thành phố B thực hiện đến trước ngày 22/3/2016 người khởi kiện không phản đối.

Do đó, ông Bùi Mạnh H khởi kiện yêu cầu giải quyết:

- Huỷ Quyết định số 197/QĐ –CC ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng tại thửa số 615, tờ bản đồ 81, đường H4 trên đất quy hoạch tái định cư P - K, phường T, Thành phố B.

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại các tài sản bị hư hỏng, thất thoát trong việc cưỡng chế trái pháp luật, có giá trị là 2.450.000.000 đồng (từ mục 1 đến mục 4 của phụ lục thống kê tài sản thiệt hại), đối với các tài sản từ mục 5 đến mục 8 của phụ lục, đây là các tài sản UBND phường T đang thu giữ theo Bản thống kê tài sản do UBND phường T lập ngày 16/8/2016. Tại đơn khởi kiện ông H đề nghị UBND phường T trả lại đầy đủ tài sản bị thu giữ trong Bản thống kê tài sản kèm theo Biên bản số 01/BB - TGTVPT do Ủy ban nhân dân phường T lập ngày 16/8/2016 (trừ các tài sản mà vợ ông H1 là bà Khổng Thị Kim L đã nhận lại tại mục ghi chú của biên bản và tại giấy xác nhận ngày 17/8/2016).

Ngày 21/8/2017, trong quá trình đối thoại, ông H1 thay đổi yêu cầu là không đồng ý nhận lại các tài sản hiện nay UBND phường T đang thu giữ và yêu cầu UBND phường T phải thanh toán bằng tiền giá trị tài sản là 298.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng).

Tại Biên bản định giá ngày 14/9/2017 đã xác định: Tổng giá trị các tài sản hiện nay UBND phường T đang thu giữ của gia đình ông H1 mà Hội đồng định giá xác định giá trị là 114. 757. 000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm bảy nghìn đồng). Ngoài ra, một số tài sản không nằm trong biên bản thu giữ gồm quần áo (nằm trong tủ nhôm kính), thang nhôm, bức tranh thêu, một số rễ cây mỹ nghệ nhỏ, Hội đồng định giá không tiến hành định giá do

không xác định được giá trị.

Sau khi nghe thông báo kết quả định giá, ông H1 đồng ý với giá mà Hội đồng định giá đã đưa ra và không có ý kiến gì.

Tuy nhiên, trong bảng thống kê có một số tài sản Hội đồng định giá không định giá được do không thấy tài sản cụ thể gồm: 01 máy nóng lạnh nationna, 05 bộ cửa sổ (mục số 42), cửa sổ (mục số 49 của bảng kê) và máy điều hòa Sanyo loại quạt (mục số 50). Đối với những tài sản này, ông H1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk làm rõ vì sao trong bản thống kê có mà thực tế lại không có, những tài sản này đã bị thất thoát đi đâu và yêu cầu UBND phường T phải bồi thường những tài sản bị mất bằng giá trị tương đương cụ thể gồm: Máy lạnh nationna, giá trị 4.000.000 đồng; 05 bộ cửa sổ loại gỗ câm xe kích thước 44cm x 120cm có giá trị 4.000.000 đồng/bộ x 05 bộ = 20.000.000 đồng; 01 cửa sổ có kích thước 120cm x 44cm bằng sắt (mục số 49) có giá trị: 2.000.000 đồng; 01 máy điều hòa Sanyo loại quạt có giá trị là 3.000.000 đồng.

Đối với 04 cục gỗ vuông (tại mục 09 của bản thống kê có kích thước 40x9x20) mặc dù có kích thước khác so với 03 cục gỗ mà Hội đồng tiến hành định giá (bằng gỗ dầu có kích thước 40 x 20 x 20) nhưng ông H1 khẳng định đây là cùng một loại và yêu cầu bồi thường đối với 01 cục bị mất, ông H1 đồng ý với giá của Hội đồng định giá là 500.000 đồng/cục.

Đối với 14 cây gỗ làm cầu thang bằng gỗ cà chít có kích thước trung bình 80cm x 8 cm x 8 cm, tại buổi định giá chỉ còn 12 cây, giá trị mỗi cây là 50.000 đồng, ông H1 đồng ý với giá nói trên và đề nghị UBND phường T bồi thường giá trị 02 cây bị mất là 100.000 đồng.

Đối với 01 máy điều hòa Sanyo (mục số 30) do chỉ còn lại lốc máy nên Hội đồng định giá không xác định được giá trị tài sản, ông H1 khẳng định tại thời điểm thu giữ máy đang còn nguyên bộ, việc thu giữ tài sản làm hỏng đề nghị UBND phường T phải bồi thường cho tôi giá trị của máy là 5.000.000 đồng.

Đối với 01 miếng gỗ có kích thước dài nhất 60 cm x167 cm (tại mục số 15), ông H1 không nhớ cụ thể, nên không yêu cầu bồi thường.

Như vậy, tổng số tiền mà ông H1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu UBND phường T bồi thường là 34.600.000 đồng đối với các tài sản bị mất và bị hư hỏng so với bản thống kê của UBND phường T.

Về yêu cầu bồi thường, đối với giá trị ngôi nhà tại thời điểm bị phá dỡ có giá trị là 1.200.000.000 đồng, ông H1 yêu cầu UBND thành phố phải bồi thường.

Đối với các tài sản bị mất mát là vàng, trang sức, chùm sung hóa thạch và tiền mặt với tổng giá trị là 1.250.000.000 đồng, yêu cầu UBND phường T phải bồi thường.

Đối tượng của việc cưỡng chế là tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của

anh Bùi Mạnh H, ông H1 và bà Khổng Thị Kim L, còn ông Đỗ Văn H3 chỉ là người có quyền sử dụng chung đất, không liên quan đến tài sản trên đất. Do đó, việc cưỡng chế không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Văn H3, việc ông Bùi Mạnh H khởi kiện không liên quan đến ông H3, nên ông H1 đề nghị không đưa ông H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Vũ Văn H2 là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B trình bày:

- Đối với nội dung khởi kiện không tống đạt Quyết định số 1060/QĐ-CC ngày 22/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

UBND thành phố B xác nhận việc lập hồ sơ xử lý xây dựng vi phạm trật tự đô thị của hộ ông Bùi Mạnh H cụ thể như sau:

Ông Bùi Mạnh H (theo khai báo của bà Khổng Thị Kim L là mẹ của ông Bùi Mạnh H, đã ký tên vào biên bản vi phạm hành chính do UBND phường T lập ngày 23/12/2015). Tuy nhiên người đại diện cho ông Bùi Mạnh H làm việc, giao dịch với các phòng ban chức năng và UBND thành phố B là bà Khổng Thị Kim L và ông Bùi Mạnh H1 là bố mẹ ông Bùi Mạnh H: thể hiện tại biên bản làm việc ngày 09/3/2016 do Phòng Quản lý đô thị lập về việc kiểm tra thực hiện Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND thành phố; các đơn của bà Khổng Thị Kim L ký ngày 12/3/2016 (gửi cho ông Vũ Văn H2), đơn ký ngày 14/3/2016 (gửi cho ông Chủ tịch - UBND thành phố B); Biên bản làm việc vào lúc 8h00, ngày 22/3/2016 do Phòng Quản lý đô thị chủ trì (có ký xác nhận của ông Bùi Mạnh H1).

UBND thành phố đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Tại buổi làm việc ngày 23/3/2016 do UBND thành phố chủ trì cùng với bà Khổng Thị Kim L, ông Bùi Mạnh H1; ông bà đã được giải thích, trả lời về quy định pháp luật trong việc quản lý đất đai, trật tự xây dựng, về những nội dung quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư (tái định cư) thuộc quy hoạch chi tiết khu dân cư Păn Lăm, phường T và được Phòng Quản lý đô thị gửi trực tiếp Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND thành phố B về việc Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cùng những quyết định phê duyệt quy hoạch.

Đồng thời, UBND thành phố B có Công văn số 508/UBND- QLĐT ngày 29/3/2016 về việc trả lời Đơn đề nghị của bà Khổng Thị Kim L; trong đó UBND thành phố thể hiện: "Do quá thời gian quy định nhưng công trình chưa thực hiện tháo dỡ, UBND thành phố buộc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: tháo dỡ công trình vi phạm của ông Bùi Mạnh H tại vị trí nêu trên" (Công văn số 508/UBND-QLĐT của UBND thành phố gửi đến địa chỉ tạm trú là A13 khu dân cư HP, phường T2, thành phố B, và bà Khổng Thị Kim L đã nhận được).

Ngoài ra, tại Đơn kiến nghị của bà Khổng Thị Kim L ký ngày 02/4/2016 thể hiện tiêu đề của đơn: "*Đơn kiến nghị UBND thành phố Buôn Ma Thuật hủy bỏ việc cưỡng chế theo Quyết định số 1060/QĐ-CC ngày 22/3/2016*"

UBND thành phố xác định Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND thành phố B về việc Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hộ ông Bùi Mạnh H đã được gửi đúng quy định pháp luật. Người trực tiếp nhận là ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L.

UBND thành phố B ban hành Quyết định 1060/QĐ – UBND là đúng thẩm quyền, đúng nội dung được pháp luật quy định (Nghị định 121/2013/NĐ ngày 10/10/2013 của Chính phủ; Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Nghị định 180/2007/NĐ–CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ; Thông tư 02/2014/TT – BXD ngày 12/02/2014 của Bộ xây dựng).

- Đối với nội dung khởi kiện Chủ tịch UBND thành phố B không ban hành Quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tư xây dựng đô thị theo quy định của pháp luật:

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị, quy định về Thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã: "*7. Quyết định đình chỉ thi công xây dựng đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn mình quản lý; quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn do mình quản lý trừ những công trình quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này*".

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị, quy định về Thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện: "*i. Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm do ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng hoặc Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng mà công trình xây dựng đó đã bị ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đình chỉ thi công xây dựng*".

Căn cứ điểm d Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm quy định: "*Hết thời hạn quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo Mẫu quyết định số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, đồng thời thông báo cho Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày*

nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ;

Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Xây dựng thì người có thẩm quyền xử phạt gửi hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ."

Từ các căn cứ nêu trên, xác định việc xây dựng nhà ở trái phép trên đất nông nghiệp của hộ ông Bùi Mạnh H là không có giấy phép xây dựng, đã được UBND phường T Ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng và thẩm quyền Ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm của hộ ông Bùi Mạnh H là UBND phường T.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, UBND thành phố B không chấp nhận, vì gia đình ông H không tuân thủ các quy định về trật tự xây dựng đô thị dẫn đến thiệt hại, không phải do quyết định hành chính của UBND thành phố gây ra.

UBND thành phố B khẳng định đã thực hiện đúng quy định pháp luật trong việc xử lý vi phạm hành chính về trật tự đô thị; có trách nhiệm với công dân trong việc tuyên truyền, vận động và giải thích việc thực hiện của người dân cũng như chỉ đạo tổ chức đối thoại với nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận trong quản lý đô thị.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Y Lhiết Niê là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân phường T và Chủ tịch UBND phường T trình bày:

- Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 197/QĐ-CC ngày 31/3/2016 của UBND phường T, thành phố B:

Ngày 23/12/2015, UBND phường T, thành phố B lập biên bản kiểm tra số 16/BB-KTr về việc tuân thủ trật tự xây dựng tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 81, đường H4, phường T, thành phố B và yêu cầu ông Bùi Mạnh H là Chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và biên bản số 16/BB-VPHC về vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm, yêu cầu tự giác tháo dỡ công trình vi phạm trong thời hạn 24 giờ, nếu ông Bùi Mạnh H không thực hiện các yêu cầu trên thì bị đình chỉ thi công xây dựng công trình. Việc lập biên bản có bà L chứng kiến và ký xác nhận.

Ngày 24/12/2015 UBND phường T ban hành Quyết định số: 218/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị do ông Bùi Mạnh H làm chủ đầu tư và Báo cáo UBND thành phố B, tại báo cáo đề xuất số 126/BC-UBND đề nghị UBND thành phố chỉ đạo xử lý công trình nhà ở xây dựng không phép. UBND phường T có tống đạt quyết định 218 cho gia đình ông Bùi Mạnh H nhưng có người nhận, còn người làm

không ký nhận, do đó cán bộ địa chính đã lập biên bản về việc không tống đạt được.

Ngày 30/12/2015, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1533/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Bùi Mạnh H. Hình thức xử phạt chính: phạt tiền với mức phạt là 6.250.000đ, các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình vi phạm xây dựng vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính, thời hạn khắc phục là 10 ngày. UBND phường T đã giao quyết định này cho gia đình ông H nhưng việc giao nhận không được lập thành biên bản và bà Khổng Thị Kim L (mẹ ông H) đã chấp hành việc nộp phạt nên Ủy ban khẳng định là ông H và gia đình đã nhận được quyết định.

Ngày 14/3/2016, ông Bùi Mạnh H đã chấp hành việc nộp phạt, nhưng chưa chấp hành các biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 1533/QĐ-XPVPHC ngày 30/12/2015 của UBND thành phố và qua kiểm tra hộ ông Bùi Mạnh H vẫn tiếp tục thi công công trình; Ngày 14/3/2016 UBND phường lập Tờ trình số 17/TTr-UBND trình UBND thành phố thẩm định phương án cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm, khôi phục lại hiện trạng ban đầu của hộ Bùi Mạnh H.

Ngày 22/3/2016, UBND thành phố B ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1060/QĐ-CCvề việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt số 1533/QĐ- XPVPHC ngày 30/12/2015 của UBND thành phố B về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Bùi Mạnh H, lý do ông Bùi Mạnh H không thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1533/QĐ-XPVPHC ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B. Biện pháp cưỡng chế phá dỡ toàn bộ công trình vi phạm.

Ngày 29/3/2016, UBND thành phố ban hành Thông báo số 608/TB-UBND giao UBND phường T ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ, thành lập Hội đồng cưỡng chế phá dỡ, xây dựng Phương án cưỡng chế đối với công trình vi phạm của ông Bùi Mạnh H tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 81, đường H4, phường T, Thành phố B.

Ngày 29/3/2016, UBND thành phố ban hành Công văn số 508/UBND-QLĐT trả lời đơn đề nghị của bà Khổng Thị Kim L, có nội dung liên quan đến vệc xử lý xây dựng trái phép tại phường T, thành phố B và đề nghị cho phép tồn tại công trình là không có cơ sở giải quyết và đề nghị bà L vận động ông H tự tháo dỡ công trình vi phạm và khôi phục lại hiện trạng ban đầu nhằm giảm thiểu tổn thất về kinh tế cho gia đình.

Thực hiện Thông báo số 608/TB-UBND ngày 29/3/2016 của UBND thành phố B, ngày 31/3/2016, UBND phường T ban hành Quyết định số 197/QĐ-UBND quyết định về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 81, đường H4, phường T, thành phố B, do ông Bùi Mạnh H làm

chủ đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 172/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng cưỡng chế phá dỡ căn nhà của hộ ông Bùi Mạnh H, xây dựng công trình vi phạm tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 81, phường T, Thành phố B.

UBND phường T khẳng định Quyết định số 197/QĐ-CC ngày 31/3/2016 của UBND phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật: Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị, quy định về Thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; điểm d, khoản 1 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/2/2014 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013; khoản 3, Điều 35 Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã; Điều 6 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 36 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Ngày 08/4/2016, UBND thành phố ban hành Công văn số 583/UBND-QLĐT, chỉ đạo UBND phường T tổ chức đối thoại với các hộ dân trước khi thực hiện áp dụng biện pháp cưỡng chế công trình nhà ở xây dựng trái phép tại phường T, thành phố B.

Do thời gian cưỡng chế trùng với thời gian tổ chức bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp năm 2016, vì vậy không tổ chức cưỡng chế được.

Ngày 13/6/2016, UBND phường phối hợp với các ban ngành, đoàn thể cùng ban tự quản Buôn đến nhà Ông Bùi Mạnh H để vận động gia đình tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình vi phạm (có lập thành biên bản).

Ngày 15/6/2016, UBND phường báo cáo về việc tổ chức đối thoại và họp các hộ dân, vận động các trường hợp xây dựng vi phạm trên lô đất 6,55 ha thuộc khu quy hoạch khu dân cư P - K, phường T.

Ngày 02/8/2016, UBND phường T ban hành Quyết định số 286/QĐ-UBND về việc gia hạn quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của ông Bùi Mạnh H, xây dựng công trình vi phạm tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 81, phường T, Thành phố B.

Từ những căn cứ nói trên, UBND phường T khẳng định việc ban hành Quyết định 197/QĐ – CC ngày 31/3/2016 là đúng trình tự, thẩm quyền do pháp luật quy định.

- Đối với nội dung khởi kiện không tống đạt Quyết định số 197/QĐ-CC ngày 31/3/2016 của UBND phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị:

UBND phường T đã niêm yết quyết định tại nơi cư trú (Cổng công trình xây dựng vi phạm trật tự đô thị). UBND phường T xác định Quyết định 197/QĐ-CC ngày 31/3/2016 của UBND phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của ông Bùi Mạnh H đã được gửi đúng quy định của pháp luật. Người trực tiếp nhận là Ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L, từ những dẫn chứng trên đã chứng minh hộ ông Bùi Mạnh H đã được biết về quyết định số 197/QĐ-CC ngày 31/3/2016 của UBND phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của ông Bùi Mạnh H.

- Đối với nội dung khởi kiện cưỡng chế, phá dỡ và thu giữ tài sản trái pháp luật:

Thực hiện Quyết định số 1060/QĐ-CC ngày 29/3/2016 của UBND thành phố về việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt số 1533/ QĐ- XPVPHC ngày 30/12/2015 của UBND thành phố B đối với ông Bùi Mạnh H và Thông báo số 608/TB-UBND ngày 29/3/2016 về việc ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình vi phạm.

Ngày 31/3/2016, UBND phường T ban hành Quyết định số 197/QĐ-CC về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị; Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 về việc thành lập Hội đồng cưỡng chế phá dỡ căn nhà của hộ ông Bùi Mạnh H; Phương án số 02/PACC ngày 31/3/2016 về việc cưỡng chế.

Ngày 09/8/2016, UBND phường ban hành Thông báo số 41/TB-UBND về thời gian tổ chức cưỡng chế các công trình xây dựng vi phạm tại khu vực dự án tái định cư P - K phường T; trong cùng ngày UBND phường T đã giao thông báo cho ông Bùi Mạnh H và ông H1 là người ký nhận (được ông H1 thừa nhận). UBND phường T tổ chức cưỡng chế, phá dỡ và lập Biên bản đối với một số tài sản do đại diện hộ ông Bùi Mạnh H từ chối nhận và vận chuyển về trụ sở UBND phường để trông giữ, bảo quản là không trái với quy định của pháp luật.

- Đối với nội dung yêu cầu trả lại tài sản bị thu giữ trái pháp luật trong bản thống kê tài sản kèm theo biên bản số 01/BB-TGTVPT do UBND phường T lập ngày 16/8/2016:

Ngày 29/8/2016, UBND phường ban hành Thông báo số 44/TB-UBND về việc thông báo cho ông Bùi Mạnh H nhận lại tài sản đang được trông giữ, bảo quản tại trụ sở UBND phường và phải chịu mọi chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản và chi phí cưỡng chế theo quy định nhưng hộ ông H không chấp hành; ngày 09/9/2016 UBND phường T tiếp tục ban hành Thông báo số 46/TB-UBND (lần 2).

Ngày 19/9/2016, ông Bùi Mạnh H có đơn đề nghị chưa thực hiện được Thông báo số 46/TB-UBND của UBND phường T.

Ngày 04/10/2016, tại biên bản xác minh làm rõ nội dung đơn khiếu nại

gửi chủ tịch UBND tỉnh Đăk Lăk của ông Bùi Mạnh H, ông Bùi Mạnh H1 (đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Mạnh H) khiếu nại UBND phường T, thành phố B thu giữ tài sản của ông Bùi Mạnh H trong quá trình cưỡng chế không đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/11/2016 UBND phường T ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Mạnh H: " *Bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại ngày 04/10/2016 của ông Bùi Mạnh H, về việc khiếu nại UBND phường T, thành phố B thu giữ tài sản của ông Bùi Mạnh H trong quá trình cưỡng chế không đúng theo quy định của pháp luật. Buộc ông Bùi Mạnh H phải chấp hành Thông báo số 44/TB-UBND ngày 29/8/2016 của UBND phường T về việc thông báo cho ông Bùi Mạnh H đến nhận lại tài sản đang được trông giữ, bảo quản tại trụ sở UBND phường T và phải chịu mọi chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản và chi phí cưỡng chế theo quy định.*"

Như vậy, UBND phường T đồng ý trả lại các tài sản đã thu giữ theo biên bản thống kê lập ngày 16/8/2016. Tuy nhiên, ông H không đồng ý nhận. Do đó, yêu cầu ông Bùi Mạnh H thực hiện Thông báo số 44/TB-UBND ngày 29/8/2016 của UBND phường T.

- Đối với nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại các tài sản bị hư hỏng do việc thu giữ, bảo quản, tài sản bị mất trong việc cưỡng, số tài sản thống kê được có giá trị là 2.450.000.000 đồng, ngoài ra còn một số tài sản chưa xác định được thiệt hại (có phụ lục kèm theo đơn).

Ngoài những tài sản do bà Khổng Thị Kim L (mẹ ông Bùi Mạnh H) nhận, UBND phường T đã lập biên bản số 01/BB-TGTVPT, có bản thống kê tài sản kèm theo biên bản đối với những tài sản từ chối nhận, Hội đồng cưỡng chế đã niêm phong và đưa về UBND phường T để trông giữ, bảo quản (trong bản thống kê tài sản bà Khổng Thị Kim L có ký nhận một số tài sản và viết giấy nhận bộ khung nhà gỗ).

Tại Biên bản mở niêm phong ngày 04/10/2016, đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Mạnh H là ông Bùi Mạnh H1 yêu cầu mở niêm phong để kiểm tra tài sản trong các hộc tủ đầu giường, sau khi mở niêm phong kiểm tra thì không có gì trong các hộc tủ.

Ngày 29/8/2016, UBND phường ban hành Thông báo số 44/TB-UBND, thông báo cho ông Bùi Mạnh H nhận lại tài sản đang được trông giữ, bảo quản tại trụ sở UBND phường và phải chịu mọi chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản và chi phí cưỡng chế theo quy định nhưng hộ ông H không chấp hành; đến ngày 09/9/2016 UBND phường T tiếp tục ban hành Thông báo số 46/TB-UBND (lần 2). Nhưng gia đình ông Bùi Mạnh H vẫn không đến nhận lại tài sản.

Xác định những tài sản được lập biên bản có bản thống kê tài sản kèm theo được đưa về UBND phường T để trông giữ, bảo quản hiện vẫn đang được trông giữ, bảo quản không bị hư hỏng, mất mát là không trái với quy định tại khoản 5, Điều 34 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

UBND phường T khẳng định đã thực hiện đúng trình tự, đúng quy định pháp luật trong việc xử lý vi phạm hành chính về trật tự đô thị, có trách nhiệm với công dân trong việc tuyên truyền vận động và giải thích việc thực hiện của người dân. Do đó việc ông H yêu cầu bồi thường thiệt hại các tài sản bị hư hỏng do việc thu giữ, bảo quản tài sản trái pháp luật và các tài sản bị mất trong việc cưỡng chế của gia đình ông Bùi Mạnh H là không có cơ sở.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Khổng Thị Kim L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vợ chồng ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L và con trai Bùi Mạnh H là đồng sở hữu các tài sản bị cưỡng chế, thu giữ.

Để thuận lợi cho công việc tại Đắk Lắk, năm 2014 – 2015 gia đình mua đất làm nhà để ở. Khu đất đã được tỉnh quy hoạch là đất ở mới của thành phố B. Sổ đất nông nghiệp đứng tên con trai là Bùi Mạnh H, gia đình đã thực hiện các thủ tục để chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất ở, nhưng vẫn chưa có quyết định cho chuyển đổi. Tháng 11/2015, gia đình làm đơn gửi UBND phường xin làm nhà gỗ nhưng không nhận được kết quả trả lời, hơn nữa trên khu đất rất nhiều hộ đã và đang làm nhà ở, nhà cho thuê, nên ngày 05/12/2015 gia đình đã khởi công làm nhà và xây tường rào bao quanh khu đất. Cuối tháng 01/2016 công trình hoàn thành, gia đình đã ký các hợp đồng lắp điện, nước với các cơ quan chức năng đầy đủ và đến ở. Thời gian làm nhà chính quyền địa phương không có ý kiến gì.

Ngày 20/01/2016, gia đình đã nhận được quyết định số 1533/QĐ-XPVPHC ngày 30/12/2015 của UBND thành phố B.

Ngày 23/01/2016, gia đình được cán bộ thanh tra xây dựng của phường nói rằng: "*khu đất cô ở đã có chủ trương chuyển đổi, chúng cháu đang làm cho hộ Y Đinh (người đã bán đất cho chúng tôi, ở cạnh nhà và cũng đang xây dựng nhà), cô lên nộp phạt về xây dựng để làm*", đại diện gia đình ký một số giấy và ngày 25/01/2016 bà L đến kho bạc nộp 6.250.000 đồng. Việc tại biên lai thể hiện ngày nộp là ngày 25/12/2016 là do sai sót của kho bạc. Sau đó, bà L đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B thấy đang làm thủ tục cấp sổ đỏ cho hộ ông Y Đinh như cán bộ phường đã nói nên bà L rất yên tâm.

Ngày 15/8/2017, bà L nhận được văn bản trả lời của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Tỉnh đang chỉ đạo các ban ngành thành phố xem xét về đơn xin tự tháo dỡ nhà khi Nhà nước lấy đất làm công trình. Vì vậy gia đình bà L chủ quan, nghĩ chưa bị đập nhà vào lúc này. Nhưng ngày 16 và 17/8/2016 chủ tịch UBND phường T đã dẫn đoàn người đến đập tan nát nhà, thu và lấy đi toàn bộ tài sản từ vật dụng nhỏ nhất đến tiền vàng giá trị khi gia đình đang đi vắng. Lúc đó chồng bà L là Bùi Mạnh H1 có mặt đã nói: Gia đình chưa nhận được quyết định cưỡng chế, nếu Nhà nước lấy đất gia đình xin tự tháo dỡ. Tuy nhiên, UBND phường T không đồng ý, đọc Quyết định cưỡng chế và tháo dỡ nhà.

Đầu tháng 10/2016, UBND phường T có mời gia đình đến nhận lại tài

sản vì thấy thiếu và hư hỏng nhiều, việc thu giữ tài sản lại không đúng thủ tục, chưa đánh giá tài sản bị hỏng nên gia đình chưa có cơ sở nhận lại.

Gia đình bà L đã được nhận lại các tài sản sau: 01 két sắt, 01 TV Sam sung, 03 quạt cây, 02 lục bình, 01 quạt gió điều hòa, 01 điều hòa Sanyo, 01 nệm 1m6, 01 bộ khung nhà gỗ đã bị phá nát (đã ký nhận tại bản thông kê tài sản kèm theo biên bản số 01/BB – TGTVPT ngày 16/8/2016 và giấy xác nhận ngày 17/8/2016).

Trong tổng số tài sản bị thất thoát, tài sản của bà L gồm các trang sức và chùm sung hóa thạch với tổng giá trị là khoảng 515.000.000 đồng. Trước đây các thiệt hại này con trai là Bùi Mạnh H đã yêu cầu bồi thường trong đơn khởi kiện.

Đối với ý kiến của UBND thành phố B cho rằng bà L đã nhận được quyết định 1060/QĐ – CC cũng như các văn bản khác liên quan đến việc cưỡng chế, bà L có các đơn đề nghị ngày 12/3/2016, ngày 14/3/2016 và đơn kiến nghị ngày 02/4/2016 là do khi đó gia đình bị cắt nước nên làm đơn kiến nghị đến ông Vũ Văn H2. Bà L đã nhận được Công văn số 508/UBND-QLĐT ngày 29/3/2016 của UBND thành phố B về việc trả lời đơn đề nghị của bà L.

Đối với các biên bản làm việc ngày 30/12/2015, biên bản số 16/BB – VPHC ngày 23/12/2015 về việc vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và biên bản số 16/BB – Ktr ngày 23/12/2015 về việc tuân thủ trật tự xây dựng đô thị của UBND phường, bà L đồng ý chữ ký trong các biên bản nói trên là của bà L, tuy nhiên ngày thể hiện trong các biên bản nói trên là không chính xác.

Đối với Quyết định số 286/QĐ-UBND về việc gia hạn quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của ông Bùi Mạnh H, mặc dù UBND phường không tống đạt cho gia đình nhưng có người thông báo nên gia đình đã được biết. Do đó, ngày 04/8/2016 bà L và con trai là Hải đã đến UBND phường để làm việc với ông Nguyễn Minh Đức, Chủ tịch UBND phường về việc xin tự tháo dỡ, tuy nhiên không được UBND phường chấp nhận.

Các Luật sư Bùi Đức V, Lê Đức M bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Quyết định số 197/QĐ –CC ngày 31/3/2016 do Chủ tịch UBND phường T ban hành không đúng thẩm quyền, không tống đạt quyết định về việc cưỡng chế pha dỡ công trình cho ông Bùi Mạnh H, tổ chức cưỡng chế trái pháp luật, thu giữ tài sản của gia đình ông H trái pháp luật. Yêu cầu:

- Huỷ Quyết định số 197/QĐ –CC ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường T do ban hành trái pháp luật.

- Khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố B, gồm những hành vi như sau:

+Không hướng dẫn ông Bùi Mạnh H làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng

tạm, trong khi ông H đủ điều kiện được cấp giấy phép tạm.

+Không tống đạt Quyết định số 1060/QĐ-CC ngày 22/3/2016 của UBND thành phố B về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho ông Bùi Mạnh H.

+Không ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị theo đúng thẩm quyền của mình.

- Khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T, gồm những hành vi như sau:

+Không tống đạt Quyết định số 197/QĐ –CC ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị cho ông Bùi Mạnh H.

+Tổ chức cưỡng chế, phá dỡ trái pháp luật và thu giữ tài sản không bị cưỡng chế trái pháp luật.

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại các tài sản bị mất, bị hư hỏng do việc cưỡng chế, thu giữ tài sản trái pháp luật.

- Bổ sung nội dung khởi kiện: Yêu cầu UBND phường T thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, khôi phục lại tình trạng ban đầu của ngôi nhà gỗ khi chưa bị cưỡng chế phá dỡ và đề nghị UBND thành phố B cấp giấy phép xây dựng có thời hạn cho ông Bùi Mạnh H, vì ông H đủ điều kiện được cấp giấy phép xây dựng tạm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên:

Căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 3, Điều 7, khoản 4 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 14 Luật trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước; khoản 1 Điều 17 Nghị định 180/2007/NĐ – CP ngày 07/12/2007, Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ – CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; điểm d, Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng; Nghị quyết 326/2016 của Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H về việc hủy Quyết định số 197/QĐ –CC ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng tại thửa số 615, tờ bản đồ 81, đường H4 trên đất quy hoạch tái định cư P - K, phường T, Thành phố B.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H đối với các hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố B gồm: Không hướng dẫn ông Bùi Mạnh H làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng tạm, trong khi ông H đủ điều kiện được cấp giấy phép tạm; Không tống đạt Quyết định số 1060/QĐ – CC ngày 22/3/2016 của UBND thành phố B về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho ông Bùi Mạnh H; Không ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị theo đúng

thẩm quyền của mình.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H đối với các hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T gồm: Không tống đạt Quyết định số 197/QĐ – CC ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị cho ông Bùi Mạnh H; Tổ chức cưỡng chế, phá dỡ trái pháp luật và thu giữ tài sản không bị cưỡng chế trái pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện anh Bùi Mạnh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L về việc buộc UBND phường T và UBND thành phố B phải bồi thường thiệt hại căn nhà gỗ bị hư hỏng, bị mất tiền mặt, trang sức và chùm sung hóa thạch, tổng giá trị 2.450.000.000 đồng.

Anh Bùi Mạnh H, ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L phải nhận lại toàn bộ tài sản theo biên bản thống kê lập ngày 16/8/2016 của UBND phường T.

3.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện anh Bùi Mạnh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L về việc buộc UBND phường T phải bồi thường các tài sản bị thất thoát so với biên bản thống kê lập ngày 16/8/2016 của UBND phường T:

Buộc UBND phường T phải trả cho anh Bùi Mạnh H, ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L các tài sản bị thất thoát, giá trị 34.600.000 đồng.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 27/9/2017, người khởi kiện (ông Bùi Mạnh H) kháng cáo cho rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là thiếu khách quan, không đúng pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình Ông, đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ông; ngày 01/10/2017, ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm yêu cầu: Hành vi của Chủ tịch UBND thành phố B, hành vi của Chủ tịch UBND phường T trong việc ban hành Quyết định số 197/QĐ –CC ngày 31/3/2016 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị được ban hành không đúng thẩm quyền và các hành vi hành chính: Không giao Quyết định hành chính, tổ chức cưỡng chế, phá dỡ trái pháp luật, thu giữ tài sản không bị cưỡng chế trái pháp luật đã gây hậu quả nghiêm trọng thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của công dân. Đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không rút đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên. Các Luật sư bảo vệ

quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự có kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án. Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghe: Những người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo; ý kiến của các Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự có kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của yêu cầu: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để:

- Hủy Quyết định số 197/QĐ–CC ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường T;

Buộc Ủy ban nhân dân phường T phải bồi thường thiệt hại các tài sản bị hư hỏng, thất thoát trong việc cưỡng chế trái pháp luật, có giá trị là: 2.450.000.000 đồng;

- Các hành vi hành chính sau đây của Chủ tịch UBND thành phố B là trái pháp luật: Không hướng dẫn ông Bùi Mạnh H làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng tạm; không tống đạt Quyết định số 1060/QĐ-CC ngày 22/3/2016 của UBND thành phố B; không ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng;

- Các hành vi hành chính sau đây của Chủ tịch ủy ban nhân dân phường T là trái pháp luật: Không tống đạt Quyết định số 197/QĐ-CC ngày 31/3/2016 của UBND phường T; tổ chức cưỡng chế, phá dỡ trái pháp luật và thu giữ tài sản không bị cưỡng chế, thu giữ tài sản trái pháp luật; yêu cầu bồi thường các tài sản bị mất, bị hư hỏng do việc cưỡng chế, thu giữ tài sản trái pháp luật thì thấy:

[1.1]. Ngày 30/12/2015, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1533/QĐ-XPVPHC đối với ông Bùi Mạnh H với nội dung: "*Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng...- Hình thức xử phạt chính: phạt tiền với mức phạt là: 6.250.000 đồng. – Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Bùi Mạnh H phải tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm,*

khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ; Thời hạn khắc phục hậu quả là 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định" (sau đây gọi là QĐ 1533). Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này có hiệu lực từ ngày 30/12/2015, người bị xử phạt là ông Bùi Mạnh H đã chấp nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[1.2]. Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1533 thì ông Bùi Mạnh H phải chấp hành hai nội dung:

- Phải nộp số tiền phạt là: 6.250.000 đồng;

- Phải tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong thời hạn 10 ngày.

Nếu không thực hiện sẽ bị cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt hành chính nói trên theo quy định tại các Điều 87, 88 và 89 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[1.3]. Ngày 23/01/2016, bà Khổng Thị Kim L (là mẹ của ông Bùi Mạnh H) đã nộp số tiền phạt 6.250.000 đồng tại Kho bạc (hóa đơn thu ghi nhầm ngày 23/12/2016). Như vậy ông Bùi Mạnh H đã tự giác thực hiện nội dung về phạt tiền, còn nội dung: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì đến trước ngày cưỡng chế (ngày 16/8/2016) ông Bùi Mạnh H chưa thực hiện. Do ông Bùi Mạnh H chưa thực hiện nội dung: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra theo QĐ 1533 nên UBND và Chủ tịch UBND thành phố B, UBND và chủ tịch UBND phường T phải tổ chức cưỡng chế theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 "*buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*" và điểm b khoản 1 Điều 28 "*Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép…*" của Luật xử lý vi phạm hành chính để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (thi hành nội dung thứ 2 của QĐ 1533). Như vậy có căn cứ khẳng định việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra theo QĐ 1533 là có căn cứ, đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[1.4]. Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định: "Ông H không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là tháo dỡ công trình vi phạm và vẫn tiếp tục xây dựng công trình. Do đó việc Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1060/QĐ–CC ngày 22/3/2016 là đúng với quy định tại điểm d Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ – CP. Tại điểm d Điều 2 của Thông tư 02 quy định:

"*Hết thời hạn quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo Mẫu quyết định số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, đồng thời thông báo cho Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ.*

Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Xây dựng thì người có thẩm quyền xử phạt gửi hồ sơ đến Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ."

Công trình xây dựng của ông H trên đất trồng cây lâu năm là không đúng mục đích sử dụng đất. Do đó, chưa đủ điều kiện chung để cấp giấy phép xây dựng đối với các loại công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và điều kiện cấp giấy phép xây dựng tạm quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 64/2012/NĐ–CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng nên việc UBND thành phố B đã căn cứ vào đoạn 1, điểm d, Điều 2 của Thông tư 02 để ra Thông báo số 608/TB–UBND về việc ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình vi phạm của ông Bùi Mạnh H với nội dung: Đề nghị UBND phường T ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình vi phạm của ông Bùi Mạnh H, thành lập hội đồng cưỡng chế, xây dựng phương án cưỡng chế là đúng quy định. UBND phường T đã thực hiện Quyết định 1060/QĐ – CC và Thông báo số 608/TB – UBND của UBND thành phố B để ban hành Quyết định số 197/QĐ – CC ngày 31/3/2016 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị là đúng theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền mà pháp luật quy định.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 180/2007/NĐ – CP của Chính phủ thì thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch UBND cấp xã là: "*Quyết định đình chỉ thi công xây dựng đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn mình quản lý; quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn do mình quản lý trừ những công trình quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này*".

Khoản 1 Điều 18 của Nghị định 180/2007/NĐ–CP của Chính phủ quy định Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm là công trình "*do ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng hoặc Sở Xây dưng cấp Giấy phép xây dựng mà công trình xây dựng đó đã bị ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đình chỉ thi công xây dựng*".

Ông Bùi Mạnh H xây dựng nhà khi chưa được cấp giấy phép nên không

thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định 180/2007/NĐ – CP của Chính phủ. Do đó, nội dung yêu cầu khởi kiện không ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của Chủ tịch UBND thành phố B và ban hành quyết định cưỡng chế sai thẩm quyền của Chủ tịch UBND phường T là không có căn cứ để chấp nhận.

Các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng công trình xây dựng của ông H đủ điều kiện để cấp Giấy phép xây dựng tạm nhưng khi lập biên bản đình chỉ thi công, UBND thành phố B và UBND phường T không hướng dẫn ông H làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng tạm theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 180/2007/NĐ–CP là cố ý làm trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên, công trình của ông H sử dụng không đúng mục đích đất chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng, do đó, UBND phường T và UBND thành phố B không áp dụng khoản 2 Điều 12 Nghị định 180/2007/NĐ–CP là đúng quy định". Nhận định của Bản án sơ thẩm được trích dẫn ở trên là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo Hủy Quyết định số 197/QĐ – CC ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường T và Không hướng dẫn ông Bùi Mạnh H làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng tạm là không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Đối với kháng cáo về Các hành vi hành chính sau đây của Chủ tịch UBND thành phố B là trái pháp luật: Không tống đạt Quyết định số 1060/QĐ-CC ngày 22/3/2016 của UBND thành phố B; không ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng; các hành vi hành chính sau đây của Chủ tịch UBND ủy ban nhân dân phường T là trái pháp luật: Không tống đạt Quyết định số 197/QĐ-CC ngày 31/3/2016 của UBND phường T; tổ chức cưỡng chế, phá dỡ trái pháp luật và thu giữ tài sản không bị cưỡng chế, thu giữ tài sản trái pháp luật; yêu cầu bồi thường các tài sản bị mất, bị hư hỏng do việc cưỡng chế, thu giữ tài sản trái pháp luật thì thấy:

[2.1]. Về nội dung khởi kiện việc không giao Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1060/QĐ–CC ngày 22/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố B và Quyết định số 197/QĐ–CC ngày 31/3/2016 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của UBND phường T

Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 166/2013/NĐ – CP ngày 12/11/2013 quy định: "*Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết*". Quá trình làm việc với UBND thành phố B và UBND phường T ông Bùi Mạnh H đều lấy địa chỉ thường trú số 29, ngách 152, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản, quyết định liên quan đến việc cưỡng chế đều ghi địa chỉ của ông H là địa chỉ nói trên. Nhưng khi tống đạt các văn bản liên quan đến việc xử phạt và cưỡng chế, UBND thành phố B và UBND phường T chỉ tống đạt và niêm yết tại địa chỉ công trình đang xây dựng là 357 Đường H4, phường T, thành phố B mà không gửi về địa chỉ của ông Bùi Mạnh H là không

đúng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ–CP. Tuy nhiên, đối với Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1060/QĐ –CC ngày 22/3/3016 của UBND thành phố B mặc dù không được gửi trực tiếp cho ông Bùi Mạnh H, nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy: Ngày 23/3/2016 UBND phường T đã tiến hành niêm yết Quyết định 1060/QĐ – CC tại cổng công trình xây dựng do không có ông H ở nhà, còn người làm thì từ chối không nhận. Việc niêm yết có sự chứng kiến của ông Y Sơn Rô là buôn trưởng buôn Păn Lăm (điều này cũng được ông Y Sơn Rô thừa nhận) và có xác nhận của UBND phường T. Tại thời điểm ban hành Quyết định 1060/QĐ–CC thì ông H1 và bà L (là bố mẹ ông H) đang sinh sống tại công trình xây dựng ông H1, bà L thừa nhận có được biết về quyết định này. Mặt khác, theo trình bày của ông H1 và bà L thì đối tượng bị cưỡng chế là tài sản chung của ông H, ông H1 và bà L. Ông H1 và bà L cũng là người đứng tên trong các đơn kiến nghị, khiếu nại gửi UBND thành phố B. Do đó, mặc dù không được nhận trực tiếp Quyết định số 1060/QĐ – CC của UBND thành phố B nhưng ông H vẫn được biết nội dung quyết định này thông qua ông H1, bà L bởi việc cưỡng chế làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chung của cả ba người.

[2.2]. Đối với nội dung kháng cáo việc cưỡng chế thu giữ tài sản trái pháp luật và kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại thì thấy: UBND thành phố B, UBND phường T không thu giữ tài sản bị cưỡng chế mà vì sau khi cưỡng chế chủ tài sản không nhận lại tài sản nên UBND phường T phải có trách nhiệm bảo vệ tài sản đã cưỡng chế nên không có lỗi trong việc gây ra thiệt hại, ông H yêu cầu UBND thành phố phải bồi thường 01 căn nhà gỗ, giá trị 1.200.000.000 đồng và bồi thường số tiền, trang sức và chùm sung hóa thạch, giá trị 1.250.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Bùi Mạnh H, ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L kháng cáo và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho những người kháng cáo không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Bùi Mạnh H, ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L. Về án phí sơ thẩm: Bản án sơ thẩm buộc ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L cùng đồng chịu 81.000.000 đồng ánh phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tài sản thuộc đồng sở hữu chung không được chấp nhận là không đúng vì: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo này của những người liên quan, sửa Bản án sơ thẩm số về án phí đối với ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L.

[4]. Do bị bác đơn kháng cáo nên ông Bùi Mạnh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác đơn kháng cáo của ông Bùi Mạnh H. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 14 Luật trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước; khoản 1 Điều 17 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007, Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; điểm d Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ xây dựng.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H về việc hủy Quyết định số 197/QĐ – CC ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường T về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Mạnh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L về việc buộc Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường thiệt hại căn nhà gỗ bị hư hỏng, bị mất tiền mặt, trang sức và chùm sung hóa thạch, tổng trị giá 2.450.000.000 đồng.

Ông Bùi Mạnh H, ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L phải nhận lại toàn bộ tài sản theo biên bản thống kê lập ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện anh Bùi Mạnh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L về việc buộc UBND phường T phải bồi thường các tài sản bị thất thoát so với biên bản thống kê lập ngày 16/8/2016 của UBND phường T:

Buộc UBND phường T phải trả cho anh Bùi Mạnh H, ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L các tài sản bị thất thoát, giá trị 34.600.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Áp dụng: điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6, 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Bùi Mạnh H phải chịu 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Ông Bùi Mạnh H1, bà Khổng Thị Kim L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại cho ông Bùi Mạnh H1 và bà Khổng Thị Kim L mỗi người 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 000365 ngày 18/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

+ Buộc ông Bùi Mạnh H phải chịu 300.00 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 000365 ngày 18/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

6. Chi phí định giá và quy định về thi hành án và các Quyết định khác được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đăk Lăk;;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, Phòng HCTP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến